

CƠ CẤU XÃ HỘI - VĂN HÓA Ở MIỀN NAM nhìn theo mục tiêu phát triển của cả nước

ĐỖ THÁI ĐỒNG*

1

Sự kiện thống nhất đất nước năm 1975 đã chấm dứt quãng thời gian 20 năm nước ta bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc với hai chế độ chính trị và hai hệ thống kinh tế khác nhau. Ngày nay, khi nói đến miền Nam như một bộ phận lãnh thổ toàn vẹn có cùng một chế độ chính trị và cùng một định hướng phát triển của cả nước, chúng ta muốn nói đến những đặc điểm do lịch sử khách quan để lại phải được cân nhắc trong chiến lược phát triển của cả nước.

Kể từ năm 1975, cũng đã 15 năm thử thách của một quá trình hội nhập giữa hai miền, nhất là về các định chế kinh tế, các quan hệ sản xuất và phương thức quản lý kinh tế. Những thử thách ấy, cả thành công và thất bại đã làm bộc lộ ngày càng rõ hơn tầm mức không đơn giản của những khác biệt đã và còn đáng kể. Bởi vì đã có 20 năm, hai miền đi khá sâu vào những quỹ đạo kinh tế đối lập nhau, miền Bắc nằm trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, miền Nam nằm trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Nhưng không phải chỉ có thế. Những khác biệt còn có thể do một quá khứ xa hơn nữa, từ gần 100 năm thuộc Pháp, và thậm chí từ cả quá trình vài trăm năm mở "vùng đất mới" phía Nam, đặc biệt là Nam Bộ.

Từ khi miền Nam là địa bàn thử nghiệm chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đến năm 1975, nền kinh tế ở đây gần gũi hơn với những nước mới vươn lên ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương. 15 năm sau, lúc chúng ta thống nhất quốc gia, ở vùng này đã xuất hiện một số quốc gia có trình độ phát triển kinh tế không ngờ. Những liên hệ kinh tế giữa miền Nam với các quốc gia ấy vốn có trước năm 1975, thì mấy năm nay kể từ khi có đường lối đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI lại được chấp nối và có thể tăng cường nhanh chóng nhờ những thuận lợi mới trong bối cảnh quốc tế hiện tại. Như vậy, miền Nam cũng đang là cánh cửa mở để nền kinh tế của cả nước hòa vào một quá trình quốc tế hóa nền kinh tế, trước hết trong một khu vực nhiều hứa hẹn của những thập niên tới. Đó cũng lại là một lý do thúc đẩy việc nhận thức lại những đặc điểm của miền Nam.

Tất nhiên không thể quên rằng miền Nam đã trải qua 15 năm cải tạo và xây dựng trong chế độ mới. Không ai có thể nghi ngờ những bước đi tất yếu của lịch sử trong việc xóa bỏ một chế độ chính trị phản động và thối nát nhất, thủ tiêu sự lũng đoạn kinh tế của tư sản mại bản, thiết lập quyền kiểm soát của Nhà nước ở những khâu huyết mạch của nền kinh tế quốc dân. Những thành quả cách mạng ấy đã tạo cho miền Nam những tiền đề cơ bản ổn định về chính trị và hội nhập vào các quá trình xây dựng nền kinh tế của cả nước. Sự giao lưu kinh tế giữa hai miền trong một kế hoạch phát triển chung, một thị trường thống nhất của cả nước là nhân tố căn bản nhất cho mọi tính toán về triển vọng phát triển của mỗi miền.

Vậy khi xét đến điểm xuất phát của miền Nam, cần phải bắt đầu từ hôm nay, từ hiện thực làm khởi điểm cho công cuộc phát triển và cũng từ đó nhìn lại những di sản lịch sử nào còn được coi là cái tạo nên bàn đạp cho khởi điểm đó.

Về mặt phương pháp luận, chúng ta ngày càng nhận rõ tầm quan trọng của những đặc điểm quốc gia và dân tộc trong việc tìm hiểu mô hình phát triển. Cùng với điều đó, quy luật phát triển không đều cũng đòi hỏi việc tìm kiếm những giải pháp sao cho cái đặc thù không bị triệt tiêu mà góp phần vào việc tạo thành cái phổ biến, cái chung. Chính trong chiều hướng đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội, đổi mới tư duy lý luận, chúng ta càng thấy rõ nhu cầu phải xem xét các đặc điểm của nước ta nói chung và đặc điểm của cả hai miền nói riêng để phát hiện những nhân tố nào thúc đẩy sự thống nhất quốc gia sâu sắc hơn, tạo đà phát triển nhanh hơn, đồng thời khắc phục những nhân tố trở lực của quá trình đó.

*. Giáo sư, Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.

2

Những truyền thống và những đứt đoạn của các yếu tố xã hội - văn hóa ở miền Nam là một chủ đề phức tạp mà sử học còn phải tiếp tục đi sâu hơn nữa. Nhưng có một sự thật hiển nhiên rằng, nếu miền Bắc với nền văn minh sông Hồng là nơi xuất phát của người Việt đã tàng trữ một truyền thống lâu đời thì miền Nam lại tàng trữ những nền văn minh cổ xưa từ Sa Huỳnh, Lâm ấp ở Nam Trung Bộ đến Phù Nam và Ăngco ở Nam Bộ. Những biểu tượng của văn hóa cộng đồng của người Việt rất đặc trưng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thì từ Nam Trung Bộ trở vào những biểu tượng cổ truyền này phải nhường cho văn minh Chăm-pa và Ăngco với những chứng tích còn nổi bật đến hiện giờ. Vậy là có sự so sánh từ hiện thực cho hay có một sự đứt đoạn của lịch sử mà nhờ vượt qua được sức ì của truyền thống, người Việt di cư mới có thể hội nhập với những điều kiện xã hội - văn hóa vốn có ở miền Nam. Những biến thái nhiều khi rất tế nhị trong cách thức làm ăn, trong tổ chức gia đình và xã hội, trong phong tục tập quán, trong đạo đức và tôn giáo, và cũng phải nói đến cả sự pha trộn dòng máu giữa các nhóm sắc tộc đã tạo thành những đặc điểm nhân cách có ảnh hưởng trở lại các hoạt động kinh tế và xã hội.

Văn hóa miền Nam với nhiều tầng cổ xưa có nguồn gốc khác với miền Bắc và mới đây lại giao tiếp với nhiều luồng văn hóa phương Tây, vì thế tính liên tục của lịch sử không chắc đã ưu trội hơn những đứt đoạn, những đảo lộn. Ngay cả với 300 năm gần đây, nếu nền tảng xã hội - văn hóa của miền Bắc là tương đối ổn cố thì ở miền Nam đã chứng kiến những rung chuyển và đan xen phức tạp. Đi sát hơn nữa, mấy chục năm qua, nhiều biến chuyển xã hội - văn hóa còn đang nóng hổi. Cả triệu người Bắc di cư vào Nam năm 1954 phần lớn theo Thiên chúa giáo. Sự rút lui của người Pháp cùng với ưu thế văn hóa của họ và sự du nhập lối sống Mỹ ò ạt vào miền Nam. Sự di cư tiếp tục từ Bắc vào Nam sau 1975 đến giờ, luồng người di cư từ miền Nam ra nước ngoài không dưới 1 triệu hiện còn tiếp tục. Về một mặt, đó là những tình huống xã hội - văn hóa phức tạp; nhưng về mặt khác, đó cũng là tình huống sống động của một vùng đang mở đường phát triển. Sẽ là quá đơn giản nếu không thấy những khác biệt giữa người Bắc người Nam, người cũ người mới, người đi kè ở, những sắc tộc và những tôn giáo. Các thế lực đế quốc và phản động đã từng tìm cách lợi dụng những khác biệt ấy để làm suy yếu khối đoàn kết dân tộc, chia rẽ Bắc Nam, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo.

Chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn của Đảng ta đã cổ vũ được động lực cách mạng to lớn của miền Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Các thế lực đế quốc và phản dân tộc đã bị đánh bại. Giờ đây, nhằm mục tiêu phát triển đất nước, việc xử lý những khác biệt này được đặt trong tình huống mới, làm sao cho công cuộc phát triển đó đem lại lợi ích cho toàn dân, chiếu cố thích đáng những khác biệt, giải quyết thích đáng những tâm tư nguyện vọng phù hợp với những trình độ và đặc trưng xã hội - văn hóa khác nhau. Từ đó khơi dậy những động lực và gạt bỏ những trở lực trên con đường phát triển. Chính sách giai cấp ở miền Nam nhằm mục tiêu phát triển phải đặc biệt chú ý đến những nhân tố động lực trong các tầng lớp xã hội. Chính sách này không phải chỉ có mặt kinh tế thuần túy, nó còn cả khía cạnh tạo được môi trường tâm lý xã hội thuận lợi để người ta có thể yên tâm và hào hứng làm việc vì ích nước lợi nhà, tìm được sự gắn bó và chỗ đứng của mình trong đồng dân tộc.

Thực tế miền Nam cho thấy hiện còn thiếu môi trường thuận lợi đó cho sự phát triển tầng lớp các nhà kinh doanh cỡ trung và tiểu chủ mà tiềm năng của họ còn khá lớn ở cả thành thị lẫn nông thôn. Trong các bậc thang giá trị xã hội, không có sự khuyến khích một tinh thần "thực nghiệp" và giới công thương gia chưa được coi là một giới xã hội có tiếng nói của họ trong dư luận xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cũng như vậy, tầng lớp' trung gian còn rất thiếu, ngay cả ở miền Nam, họ cũng không có cơ hội phát triển. Đó chính là tầng lớp có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, họ là lớp người "biết việc, biết làm", là người thực hành các kỹ thuật và cung cách làm ăn tiên tiến trong cả công nghệ và dịch vụ. Chưa có một nỗ lực thực sự nào để thay đổi hẳn việc sử dụng và đào tạo các chuyên viên giỏi, các kỹ thuật viên giỏi để họ trở thành một tầng lớp mạnh trong cơ cấu xã hội hiện nay. Trí thức ở miền Nam được đào tạo từ nhiều nguồn có thể đem lại sự phong phú của hiểu biết và khả năng sáng tạo Không có cách nhìn nào khác hơn rằng trí thức đã góp phần quyết định sản sinh những "đỉnh cao" về văn hóa, khoa học, nghệ thuật và đại diện cho thành quả của dân tộc trên các lĩnh vực đó Vấn đề căn bản trong suy nghĩ của họ là Tổ quốc, là Dân tộc, là sự so sánh trình độ của xứ sở mình với các nước tiên tiến khác, là lòng tự tôn dân tộc và ý chí vươn lên. Nếu điều này lại là thứ yếu hoặc nhất thiết phải là

sự thừa nhận ngay những nguyên tắc nào đó hơn là chủ nghĩa yêu nước thì sẽ làm nản lòng đa số trong tầng lớp trí thức, làm họ hoang mang hơn là tin tưởng ở con đường phát triển.

Những vấn đề xã hội - văn hóa của các dân tộc ở miền Nam cũng có những di biệt với miền Bắc. Văn hóa Chăm pa và văn hóa ĩnboco là những nền văn hóa lớn có liên hệ với nhiều quốc gia khác. Cộng đồng người Chăm và người Khome đã có tầng lớp trí thức của họ từ lâu. Thực sự phải tái tạo tầng lớp trí thức đó để họ tiếp tục dẫn đầu các sắc tộc này trên con đường phát triển. Không có một Học viện Chăm và Học viện Khome là một khoảng trống lớn về chính sách phát triển văn hóa. Việc nghiên cứu và đào tạo tầng lớp trí thức này không những có ý nghĩa phát triển sắc tộc trong nước mà còn có ý nghĩa quốc tế ngày càng lớn. Liên hệ của người Khome Nam Bộ với Campuchia có khác với liên hệ giữa những dân tộc thiểu số ở biên giới phía Bắc. ở phía Bắc, dân hai bên biên giới đều là những sắc dân thiểu số của cả hai quốc gia. ở biên giới Tây Nam là cả một quốc gia láng giềng cùng chung gốc gác và nền văn hóa cổ với người Khơ me Nam Bộ. ở phía Bắc, chúng ta là một nước nhỏ. ở phía Nam, chúng ta là một nước lớn hơn. Đó là một số ví dụ để gọi ra một chính sách dân tộc cần phải được cụ thể hóa cho sát hợp với phía Nam. Đây chưa nói đến phần Tây Nguyên là một vùng có vị trí chiến lược. Vấn đề Việt kiều ở nước ngoài cũng nổi bật ở miền Nam, bởi hơn một triệu người từ miền Nam đã di cư ra nước ngoài trong những năm gần đây. Ở thành phố Hồ Chí Minh có đến 260.000 gia đình có thân nhân ở nước ngoài. Trên toàn miền Nam, con số này trên mức 300.000. Như vậy là hàng triệu người có quan hệ thân nhân với những người đã rời khỏi nước. Đã có một thế hệ thứ nhất và thứ hai những Việt kiều, chẳng bao lâu sẽ có thế hệ thứ ba. Những cản trở vì các lý do chính trị hiện còn đáng kể, nhưng các quan hệ của Việt kiều với trong nước về tình cảm, về kinh tế tiếp tục phát triển. Và trước sau, Việt kiều sẽ là một lực lượng đáng kể có thể góp phần vào sự phát triển của đất nước. Nhưng một chính sách cụ thể vẫn còn nhiều vướng mắc và trong thực hành đôi khi đã gây ra những phức tạp cả với kẻ ở và người đi, những thiếu tế nhị về tâm lý và cách ứng xử cả hai phía. Tâm mức của vấn đề tỏ ra ngày càng lớn hơn những thủ tục xuất cảnh và nhập cảnh. Nó trở thành vấn đề quốc sách sự quy tụ của nhân tâm vào những mục tiêu gắn bó gia đình và Tổ quốc, những cách thức cơ bản nào để Việt kiều có thể tham gia vào việc kiến quốc.

Vấn đề tôn giáo ở miền Nam vốn đã gây ra những xung đột vì các lý do chính trị - xã hội hơn là lý do tín ngưỡng. Qua đó thường bộc lộ những bất đồng sắc tộc, bất đồng Nam Bắc, bất đồng văn hóa, bất đồng chính kiến và do đó bị các thế lực khác nhau lợi dụng. Quần chúng có tín ngưỡng bị 'lôi cuốn vào những xung đột đó nhiều khi còn giữ lại những mặc cảm lâu dài. Điều này lại hết sức tế nhị vì những cộng đồng tôn giáo không những đông đảo và cũng rất nhiều khác biệt, cả ở Trung Bộ và Nam Bộ. Đạo Thiên chúa, đạo Phật đại thừa, đạo Phật tiểu thừa, đạo Hồi, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo đều có những cộng đồng tập trung đông đảo ở một số địa phương. Một số cộng đồng tôn giáo có quan hệ quốc tế rộng. Tất cả những khía cạnh đó khiến cho vấn đề tôn giáo ở miền Nam hiện còn là vấn đề rất nhạy cảm. Trong số đông dân chúng, chưa có sự tách bạch vấn đề tín ngưỡng với những vấn đề ngoài tín ngưỡng. Và tín ngưỡng chưa thành vấn đề riêng tư của mỗi người. Điều này đòi hỏi một chính sách tôn giáo thể hiện cụ thể hơn nữa và tinh tế hơn nữa đường lối tự do tín ngưỡng và đoàn kết dân tộc của Đảng. Chừng nào các tôn giáo còn là một sinh hoạt cộng đồng thì sinh hoạt đó vẫn tìm kiếm những hình thức hoạt động chung cả về mặt lễ nghi, cả về mặt xã hội. Cần tạo điều kiện cho các sinh hoạt này được thoải mái thì tự do tín ngưỡng mới có ý nghĩa cụ thể với con người. Công tác xã hội của các tôn giáo cần được khuyến khích hướng vào việc cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của cộng đồng, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ an ninh xã hội. Những khía cạnh nhân đạo và khuyến thiện trong sinh hoạt cộng đồng của các tôn giáo cần được thừa nhận và khuyến khích.

Tình hình đời sống văn minh ở đô thị và ở nông thôn miền Nam hiện nay cũng đặt ra những vấn đề cụ thể. Quy mô của nhiều thành phố lớn hơn nhiều lần ở miền Bắc và do đó việc quản lý đô thị có phức tạp hơn. Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn khác phía Nam như Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Cần Thơ là những trung tâm động lực của sự phát triển kinh tế và văn hóa. Mức độ giao lưu của cư dân miền Nam với đời sống đô thị rất mạnh do kinh tế hàng hóa phát triển và một phần cũng do quá trình đô thị hóa cưỡng bức trong chiến tranh. Những thành phố này đã được khuếch trương với một bộ mặt tương đối hiện đại ngay trước năm 1975. Đó là những tài sản lớn mà trong nhiều năm chưa dễ tạo được. Nhưng sự xuống cấp đến như hiện nay đã là rất nghiêm trọng cả về cơ sở hạ tầng và nhất là về văn minh đô thị. Cách quản lý lạc hậu đã đẩy các thành phố vào quá trình "nông thôn hóa", mất đi nhiều nếp sống văn minh tối thiểu.

Đáng kể nhất là thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế văn hóa và chính trị lớn nhất ở phía Nam, "hòn ngọc Viễn Đông" của đất nước. Mức độ đầu tư quá thấp cùng với sự chia cắt hành chính trong hoạt động kinh tế khiến cho người ta tùy tiện sử dụng nó hơn là có trách nhiệm bồi đắp nó. Với lối quản lý hiện tại, đời sống mọi mặt của thành phố trở nên quá thô sơ từ phương tiện giao thông đến các dịch vụ, văn hóa và xã hội khác. Cảnh quan đô thị bị mất dần những đặc trưng của nó. Trong triển vọng phát triển của đất nước, thành phố Hồ Chí Minh lại sẽ là một trung tâm động lực không phải chỉ với phía Nam. Nếu người ta dễ nhận thấy ở đó một trung tâm kinh tế mạnh nhất thì điều khó khăn và lại là quyết định hơn cả là tìm thấy ở đó một khuôn mặt đại diện cho nền văn hóa dân tộc và hiện đại.

3

Sau hết, từ thực tiễn miền Nam, chúng ta cũng cần phải trở lại một số vấn đề lý luận được đặt ra trong sự nghiệp đổi mới.

Sự phát triển thật sự của đời sống không thể khuôn vào một vài công thức, nó đặt ra vô số những tình huống riêng biệt, vô số những ngẫu nhiên và vạch đường qua những trình độ rất khác biệt. Khoa học xã hội ngày nay đối diện với những con đường phát triển rất khác nhau ở các nước, đã và đang tìm kiếm "chất men" nào tạo ra sự phát triển cụ thể của một dân tộc vào một thời điểm cụ thể nào đó. Vậy là, tùy ở những vật liệu và những môi trường khác nhau; chất men đó là rất khác nhau. Những giải thích về con đường phát triển khác nhau giữa phương Đông và phương Tây, những phân tích kết quả phát triển mau chóng của Nhật Bản và một số nước công nghiệp mới đang đi sát vào những đặc trưng xã hội, những điểm riêng biệt của các nền văn minh vật chất và tinh thần ở các nơi đó.

Khoa học xã hội ở nước ta đang vượt qua thời kỳ mắc kẹt vào chủ nghĩa giáo điều. Với đường lối đổi mới của Đảng, khoa học xã hội đang mở ra những triển vọng nghiên cứu sâu sắc hơn các đặc điểm của Việt Nam, xuất phát điểm của cả nước, của từng miền, từng vùng khác nhau trên con đường phát triển. Từ thực tiễn miền Nam, việc tìm kiếm các động lực phát triển ít nhất phải đụng chạm đến ba vấn đề lớn.

Một là vấn đề chế độ sở hữu. Chế độ sở hữu là thuộc về quan hệ sản xuất, nó tất yếu phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Khi nào thì chế độ sở hữu công cộng có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và khi nào thì động lực đó phải là sở hữu tư nhân? Chúng ta cũng đứng trước những câu hỏi cụ thể hơn. Chẳng hạn, vì sao một chế độ sở hữu tập thể ở miền Bắc dù không đem lại những thành công dễ dàng thì cũng không vì thế lại gây ra những suy thoái lực lượng sản xuất và những bất mãn xã hội rộ rệt như ở miền Nam? Trong tương lai, sự đa dạng hóa chế độ sở hữu phải cụ thể ra sao cho có tác dụng đẩy mạnh sự phát triển kinh tế ở miền Nam và cải biến những người sản xuất hàng hóa đã hoạt động trong quỹ đạo tư bản chủ nghĩa?

Hai là vai trò của kinh tế thị trường trong bước phát triển nền kinh tế quốc dân hiện nay và sau này. Kinh tế miền Nam đòi hỏi một thị trường thống nhất trong cả nước với sự giao lưu Nam Bắc không thể dừng lại ở mức hiện nay. Nó đòi hỏi một quá trình hàng hóa hóa tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất và trao đổi, một thị trường nguyên liệu, lao động, tiền tệ thông suốt từ Bắc đến Nam. Điều này cũng đòi hỏi những đổi mới thật sự trong nguyên tắc và thực thi sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Ngoài ý nghĩa kinh tế trực tiếp, một thị trường thống nhất sẽ là con đường tất yếu củng cố sự thống nhất dân tộc sâu sắc hơn. Đồng thời chúng ta cũng đã bước vào những thử thách hội nhập với quá trình quốc tế hóa nền kinh tế và miền Nam có vai trò xung kích trong quá trình đó. Nhưng phải chăng, những lý thuyết đã có đến nay về kinh tế thị trường và kế hoạch hóa của chúng ta đang có những lạc hậu rất đáng kể.

Ba là vai trò của nền văn minh dân tộc trong động lực phát triển. Nền văn minh Việt Nam đã chứng tỏ một sức sống mãnh liệt trong lịch sử phát triển dân tộc nhờ giải tỏa được những xung đột sắc tộc, tôn giáo bên trong và tiếp thu được tinh hoa của văn minh thế giới trên ngũ ba đường của giao lưu văn hóa Bắc Nam và Đông Tây. Mục tiêu xây dựng nền văn minh dân tộc ở đỉnh cao mới tương xứng với thời đại mới sẽ huy động khối đoàn kết dân tộc ở trình độ cao hơn nữa. Bởi vì, xét cho cùng, thì mỗi dân tộc chỉ có thể tự hào chính đáng nhất và sâu sắc nhất bằng nền văn minh của chính mình.